

Bản án số: 13/2026/HS-ST

Ngày: 29 - 01 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự

2. Ông Mai Văn Chất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2025/TLST - HS ngày 18 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy P, sinh năm 2002 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0372020060xx. Nơi cư trú: xóm D, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L và có một con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2025, chuyển tạm giam từ ngày 18/4/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh N; có mặt

2. Mai Đức N, sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370870001xx. Nơi ĐKKHKT: xóm D, xã K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm T, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Mai Chí B1 và bà Phạm Thị N5.1 Bị cáo có vợ là Phạm Thị Thúy H và có ba con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 125/QĐ-XPHC ngày 13/12/2022 của Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 7.250.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích. Bị cáo chưa thi hành.

Nhân thân: Bản án số 07/2014/ HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ đã xử phạt bị cáo 07 tháng tù, nộp lại số tiền

300.000 đồng và 200.000 đồng án phí về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phí và số tiền truy thu; ngày 13/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2025, chuyển tạm giam từ ngày 18/4/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh N; có mặt

3. Đỗ Văn L1, sinh năm 1991 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370910144xx. Nơi cư trú: xóm H, Đ, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T1. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Bản án số 04 ngày 19/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo 03 tháng tù và 200.000 đồng án phí về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Ngày 04/6/2024 chấp hành xong bản án.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 117 ngày 09/6/2018 của Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi Huy hoại tài sản. Bị cáo chưa thi hành

Nhân thân:

+ Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 02 ngày 07/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ trong thời hạn 03 tháng. Đã chấp hành xong ngày 10/01/2020

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 144 ngày 09/11/2023 của Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Ngày 16/11/2023 đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2025, chuyển tạm giam từ ngày 18/4/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh N; có mặt

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn T, N, xã Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Bà Kiều Thị L3, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số nhà H, tổ F, Phường T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; có mặt

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2005; có mặt,

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; vắng mặt.

- Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn T2, anh Tạ Năng K.

Những người chứng kiến vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 08/4/2025, Nguyễn Duy P đến quán cầm đồ của Mai Đức N ở xóm T, xã K, tỉnh Ninh Bình để mượn số tiền 1.500.000 đồng, N đồng ý. N sử dụng tài khoản của ngân hàng T3 số “19035802369017” chuyển tiền đến tài

khoản V số “9396962690” của P, sau khi nhận tiền Phương gửi lại chiếc xe mô tô BKS 26K7-6151 tại quán rồi đi về. Khoảng 18 giờ cùng ngày, P mượn điện thoại của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988, trú tại xóm D, xã K, tỉnh Ninh Bình gọi cho N nói chuyện, P nói sẽ chuyển cho N 2.000.000 đồng trong đó 1.500.000 đồng để trả nợ, 200.000 đồng để cảm ơn và 300.000 đồng bảo N mua ma túy đá về để cùng nhau sử dụng, N đồng ý. Sau đó P nhờ N bảo Đỗ Văn L1 đến đón mình. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, L1 điều khiển xe mô tô BKS 35Y1-036.45 đến đón P về nhà P. Tại đây, P mượn điện thoại của chị Nguyễn Thị L sinh năm 2005 (vợ P) đăng nhập vào tài khoản ngân hàng M số “00710200256789” của mình chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản của N rồi trả lại điện thoại cho chị L.

Sau khi nhận được tiền, N đi bộ một mình ra khu vực cầu T, thuộc xóm T, xã K, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy, tại đây N gặp hỏi và mua được của 01 người thanh niên không quen biết 01 túi nilong bên trong có ma túy đá với giá 300.000 đồng, N bỏ vào túi quần bên phải, sau đó người này cho thêm N 01 túi ma túy đá nhỏ, N lấy bỏ vào túi quần bên trái rồi đi bộ về quán. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi N và Nguyễn Văn L2 đang ở quán thì Đỗ Văn L1 chở P về lại quán. Khoảng 20 phút sau, N bảo P ra đóng cửa, hiểu đã có ma túy đá để sử dụng nên P lấy vỏ chai nước STING màu vàng ra khu nhà vệ sinh đổ nước lọc vào chai, đục 02 lỗ ở nắp chai, lấy cóong thủy tinh trong tủ treo trên tường và ống hút lắp ghép thành bộ sử dụng ma túy để trên mặt chiếu dưới nền nhà, N lấy trong túi quần bên phải túi ma túy đá ra rồi đổ hết vào cóong, còn vỏ túi Nhuận đốt vo tròn vút vào gạt tàn thuốc lá. Thấy có ma túy, Đỗ Văn L1 dùng bật lửa đốt cóong để ma túy tan chảy, khi nấu xong L1 châm lửa đốt cho N sử dụng, tiếp đến L1 tự châm lửa để mình sử dụng rồi châm lửa cho P sử dụng. P hỏi Nguyễn Văn L2 có sử dụng ma túy không, Nguyễn Văn L2 đồng ý, Đỗ Văn L1 châm lửa cho Nguyễn Văn L2 sử dụng ma túy. Sau đó N, Nguyễn Văn L2 tiếp tục tự sử dụng ma túy thêm một lần nữa thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh N đến kiểm tra, lo sợ nên N đã lấy từ trong túi quần bên trái của mình ra túi ma túy đá vút xuống nền nhà. Tổ Công tác đã lập biên bản sự việc và thu các vật chứng gồm:

01 vỏ chai nhựa nhãn hiệu STING màu vàng, không có nắp chai được niêm phong trong phong bì mã số PS1 23010194; 01 đoạn ống nhựa màu đen dài 80cm, đường kính 0,7cm được niêm phong vào trong một phong bì ký hiệu K1; 01 nắp chai nhựa màu đen, được đục hai lỗ, trong đó một lỗ cắm một đoạn ống thủy tinh dài 06 cm, đường kính 0,5cm, bên trong bắm dính dị vật màu trắng được niêm phong trong túi mã số PS1 23010195; 01 đoạn ống nhựa màu trắng dài 18cm được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K2; 01 vỏ túi nilon màu trắng, kích thước mép túi 1,5 cm bị đốt cháy, vo tròn không xác định được hình dạng, mép túi bắm dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong vào trong một phong bì ký hiệu K3; 04 mảnh thủy tinh bị vỡ, hình dạng không xác định, trên mặt bắm dính dị vật màu trắng được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K4; 01 túi nilon màu trắng, kích thước 1,5x1,8 cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K11; 02

thẻ nhớ nhãn hiệu Samsung 32GB, Sam Disk Ultra 32GB trong camera được niêm phong vào trong một phong bì ký hiệu K12; 02 xe mô tô BKS 35Y1-03645, 26K7-6151. Thu giữ của Mai Đức N số tiền 930.000 VNĐ được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K5 và điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh lắp sim số “0964320135” được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K6. Thu giữ của Nguyễn Duy P 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp thẻ sim được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K7 và 01 bật lửa ga màu đỏ trong túi quần. Thu giữ của Nguyễn Văn L2 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xanh lắp sim số “0846666635” được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K8. Thu giữ của Đỗ Văn L1 số tiền 175.000 VNĐ được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K9 và điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xanh, lắp sim số “0352879103” được niêm phong trong một phong bì ký hiệu K10. Cơ quan điều tra đã lấy các phong bì ký hiệu K3, K4 để trưng cầu giám định.

Tiến hành mở niêm phong, phong bì ký hiệu K11 bên trong chứa chất kết tinh màu trắng cân xác định khối lượng là 0,0225 gam ký hiệu M để trưng cầu giám định.

Tại kết luận giám định số 296, 297/KL-KTHS-MT cùng ngày 17/4/2025 của Phòng KTHS - Công an tỉnh N kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,0225 gam là ma túy, loại Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng bám dính trong mẫu ký hiệu K3, K4 và bám dính trong một đoạn ống thủy tinh gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine. Lượng Methamphetamine bám dính đều ít, không xác định được khối lượng. Tìm thấy Methamphetamine trong các mẫu nước tiểu thu của Mai Đức N, Nguyễn Duy P, Đỗ Văn L1 và Nguyễn Văn L2

Quá trình điều tra Nguyễn Duy P, Mai Đức N, Đỗ Văn L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS – KV4 ngày 17/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Duy P, Mai Đức N, Đỗ Văn L1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy P, Mai Đức N, Đỗ Văn L1 phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy P và Mai Đức N.

- Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn L1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P từ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09/4/2025

Xử phạt bị cáo Mai Đức N từ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09/4/2025

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L1 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09/4/2025

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 03 phong bì ký hiệu K1, K2, B; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi niêm phong mã số PS1 23010194; 03 phong bì và 01 túi niêm phong mã số PS2A 075470 niêm phong theo đúng quy định bên trong có mẫu vật hoàn trả sau giám định

- Trả lại cho bị cáo Mai Đức N số tiền 930.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax màu xanh có lắp sim bỏ trong một phong bì niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn L1 Số tiền 175.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh có lắp sim bỏ trong một phong bì niêm phong; 01 xe mô tô BKS 35Y1-03645 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu đen của Nguyễn Duy P bỏ trong một phong bì niêm phong do tại phiên tòa bị cáo không đề nghị xin lại

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Duy P, Mai Đức N, Đỗ Văn L1 phải nộp án phí hình sự sở thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi nêu trên, thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 08 tháng 4 năm 2025. Biên bản khám xét lập hồi 22 giờ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và phù hợp kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 08/4/2025, tại xóm T, xã K, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Nguyễn Duy P đã có hành vi khởi xướng, chuyển số tiền 300.000 đồng cho bị cáo Mai Đức N để bị cáo N đi mua ma túy loại Methamphetamine, chuẩn bị địa điểm và dụng cụ sử dụng ma túy. Sau khi có được ma túy bị cáo Đỗ Văn L1 có hành vi dùng bật lửa của mình hơi nóng cóong thủy tinh cho ma túy loại

Methamphetamine tan chảy ra để các bị cáo N, P và anh Nguyễn Văn L2 và bản thân Đỗ Văn L1 cùng nhau sử dụng ma túy.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục IIC, số thứ tự 247 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ –CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

[2]. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung phạm tội “đối với hai người trở lên”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 255. Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm

...b, Đối với 02 người trở lên

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm, trong đó có chất ma túy. Mặt khác hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và làm hao tổn sức khỏe, tiền bạc của các đối tượng nghiện ma túy. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Duy P và Mai Đức N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Đỗ Văn L1 đang có một tiền án về tội “cố ý làm hư hỏng tài sản”. Do vậy lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có ba bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang

tính giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Giữ vai trò cao nhất trong vụ án là bị cáo Nguyễn Duy P, bị cáo P là người khởi xướng trực tiếp chuyển khoản số tiền 300.000 đồng cho bị cáo Mai Đức N mua ma túy loại Methamphetamine về cùng nhau sử dụng. Bị cáo Nguyễn Duy P chuẩn bị dụng cụ và cùng với bị cáo Mai Đức N, bị cáo Đỗ Văn L1 và anh Nguyễn Văn L2 sử dụng ma túy tại nhà của Mai Đức N. Như vậy trong vụ án này mức hình phạt áp dụng cho bị cáo P là cao nhất và cao hơn hai bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Mai Đức N đã có hành vi nhận số tiền 300.000 đồng do bị cáo Nguyễn Duy P chuyển khoản đến, trực tiếp đi tìm mua ma túy loại Methamphetamine đồng thời sử dụng nơi ở của mình để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo N giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo Đỗ Văn L1, dù không khởi xướng cầm đầu trong việc tổ chức sử dụng ma túy nhưng quá trình các bị cáo sử dụng ma túy bị cáo Đỗ Văn L1 là người trực tiếp bật lửa, hơ nóng coóng thủy tinh cho ma túy Methamphetamine ở bên trong tan chảy, đồng thời châm lửa cho bị cáo Mai Đức N, bị cáo Nguyễn Duy P, anh Nguyễn Văn L2 và bản thân bị cáo cùng sử dụng. Bị cáo tham gia rất tích cực, bị cáo L2 giữ vai trò thứ ba trong vụ án. Tuy nhiên bị cáo L2 có nhân thân xấu đang có tiền án, tiền sự về tội hủy hoại tài sản điều đó thể hiện bị cáo là người khó giáo dục nên mức hình phạt của L2 là thấp hơn bị cáo P nhưng phải cao hơn bị cáo N như vậy mới đảm bảo tính công bằng, nghiêm khắc của hình phạt.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có hình phạt thật nghiêm khắc đối với cả ba bị cáo và xử lý nghiêm bằng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian giúp cho các bị cáo cai nghiện thành công và tạo điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy nhằm phục vụ nhu cầu nghiện ma túy của bản thân qua xác minh tại địa phương các bị cáo P và L2 cả hai bị cáo không có nhà đất và không có tài sản gì, bị cáo N có tài sản là nhà đất tại xã K. Tuy nhiên các bị cáo sử dụng ma túy không nhằm mục đích lợi nhuận mà phục vụ nhu cầu của bản thân. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với cả ba bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lấp sim số “0846666635” cho anh Nguyễn Văn L2 là tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn L2 do không liên quan đến việc phạm tội.

Trả 02 thẻ nhớ là tài sản của gia đình bị cáo Mai Đức N cho chị Phạm Thị Thúy H là vợ của bị cáo N do không liên quan đến việc phạm tội.

Trả 01 xe mô tô BKS 26K7-6151 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Kiều Thị L3 do bà L3 cho bị cáo Nguyễn Duy P mượn để sử dụng do không liên quan đến việc phạm tội. Việc Cơ quan CSĐT đã trả những tài sản trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Số tiền 930.000đ thu giữ của bị cáo Mai Đức N do không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax màu xanh có lắp sim thu giữ của bị cáo Mai Đức N bỏ trong một phong bì niêm phong do bị cáo sử dụng để liên hệ với bị cáo P liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước (tiêu hủy thẻ sim trong điện thoại).

- Số tiền 175.000đ thu giữ của bị cáo Đỗ Văn L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh có lắp sim bỏ trong một phong bì niêm phong; 01 xe mô tô BKS 35Y1-03645 thu giữ của bị cáo Đỗ Văn L1 do không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Duy P bỏ trong một phong bì niêm phong do không liên quan đến việc phạm tội nhưng tại phiên tòa bị cáo không đề nghị nhận lại nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với:

- 01 phong bì niêm phong số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả sau giám định bên trong có 04 mảnh vỡ thủy tinh của mẫu ký hiệu K4 toàn bộ vỏ bao niêm phong.

- 01 phong bì niêm phong số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả sau giám định bên trong có vỏ túi nilon của mẫu ký hiệu K3 toàn bộ vỏ bao niêm phong.

- 01 phong bì niêm phong số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả sau giám định bên trong có vỏ bao gói của mẫu ký hiệu M; toàn bộ vỏ bao niêm phong.

- 01 túi niêm phong mã số PS2A075470 mẫu hoàn trả sau giám định số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả gồm: 01 nắp chai bằng nhựa màu đen đục hai lỗ và 01 đoạn ống thủy tinh, toàn bộ vỏ bao niêm phong.

- 01 túi niêm phong mã số PSI 23010194

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu K1

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu K2

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu B

- 01 bột lửa ga màu đỏ.

Những vật chứng trên cầm tàng trữ, sử dụng và phục vụ cho quá trình điều tra một số vật dụng không còn giá trị sử dụng nay cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra bị cáo Mai Đức N còn có hành vi cất giấu trái phép 0,0225 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự về các tội liên quan đến ma túy nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 04/11/2025, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh N đã ra quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 69/QĐ-XPHC với số tiền 3.500.000 đồng đối với bị cáo Mai Đức N là đúng quy định

Đối với anh Nguyễn Văn L2 là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của L2 đã vi phạm khoản 1, Điều 23, Nghị định 144 ngày 31/12/2021 của Chính Phủ quy định về phòng, chống, kiểm soát ma túy. Ngày 04/11/2025, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh N đã ra quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 70/QĐ-XPHC với số tiền 1.250.000 đồng là đúng quy định.

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Mai Đức N khai mua ma túy của người thanh niên không quen biết tại khu vực cầu T thuộc xóm T, xã K, tỉnh Ninh Bình, bản thân bị cáo N không biết tên tuổi, địa chỉ của người này. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N không có căn cứ để xác minh, xử lý.

8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Duy P, Mai Đức N và Đỗ Văn L1 là người bị kết án nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 17; Các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Duy P và bị cáo Mai Đức N.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 17; Các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2025 đối với bị cáo Đỗ Văn L1.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy P, Mai Đức N, Đỗ Văn L1 phạm tội:
“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09 tháng 04 năm 2025.

Xử phạt bị cáo Mai Đức N 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09 tháng 04 năm 2025.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L1 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09 tháng 04 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy:

01 phong bì niêm phong số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả sau giám định bên trong có 04 mảnh vỡ thủy tinh của mẫu ký hiệu K4 toàn bộ vỏ bao niêm phong.

01 phong bì niêm phong số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả sau giám định bên trong có vỏ túi nilon của mẫu ký hiệu K3 toàn bộ vỏ bao niêm phong.

01 phong bì niêm phong số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả sau giám định bên trong có vỏ bao gói của mẫu ký hiệu M; toàn bộ vỏ bao niêm phong.

01 túi niêm phong mã số PS2A075470 mẫu hoàn trả sau giám định số 296/KL – KTHS – MT mẫu vật hoàn trả gồm: 01 nắp chai bằng nhựa màu đen đục hai lỗ và 01 đoạn ống thủy tinh, toàn bộ vỏ bao niêm phong.

01 túi niêm phong mã số PSI 23010194

01 phong bì niêm phong ký hiệu K1

01 phong bì niêm phong ký hiệu K2

01 phong bì niêm phong ký hiệu B

01 bật lửa ga màu đỏ.

- Trả lại cho bị cáo Mai Đức N số tiền 930.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax màu xanh có lắp sim thu giữ của bị cáo Mai Đức N bỏ trong một phong bì niêm phong (tiêu hủy sim trong điện thoại)

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn L1 số tiền 175.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh có lắp sim bỏ trong một phong bì niêm phong; 01 xe mô tô BKS 35Y1-03645 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu đen bỏ trong một phong bì niêm phong.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18 tháng 12 năm 2025 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa Công an tỉnh N với Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy P, Mai Đức N, Đỗ Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2026). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
- Phòng PC02 Công an tỉnh: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10): 01 bản;
- Phòng HS&NV Công an tỉnh: 01 bản;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 03 bản;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 03 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu tòa và HCTP: 03 bản;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh